

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/03/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		VSP02+RP3+RC6	7:25	4+12+6	0+0+0		1+0+21	0+0+0	
2		TD2+TD1+RP3	7:25	5+6+10	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
3		PVD8+BK16	7:25	6+15	0+0		2+11	0+0	
4		RP1+RC8	9:25	19+3	0+0		19+3	0+0	
5		RCDM+RC5	9:25	7+14	0+0		7+13	0+0	
6		RP1+RC4+RC6	11:45	13+8+0	0+0+0		11+5+4	0+0+0	
7		RP3+CTK3+RC3	11:45	18+3+0	0+0+0		8+8+5	0+0+0	chuyen 2 CTK3-RC3

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: VSP02 - RP3 - RC6	CREW: NAM - HTRUNG - TOAN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/1306	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN QUANG HUY	VSP02				2	18	96	D-HANH	Vietnamese
2	PRYTKOV V.G.	VSP02	92	1	8			82	D-HANH	Russian
3	NGUYEN NGOC ANH TUAN	VSP02	90	1	3			74	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYEN HANG HAI	VSP02	91	1	5			85	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN BA THU	RP3	29	1	4	2	35	53	KH-THAC	Vietnamese
6	LE XUAN THANG	RP3	33	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HIEU	RP3	38	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HOAI THANH	RP3	31	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN BAO TOAN	RP3	36	1	10			85	KH-THAC	Vietnamese
10	DO QUANG TO	RP3	28	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
11	VU TAN CHAU	RP3	34	1	8			82	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN QUANG CHUONG	RP3	35	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
13	HA VAN NIN	RP3	41	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN CONG SOAI	RP3	30	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM NGOC SON	RP3	32	1	12			84	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM DUY NHIEN	RP3	37	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
17	VU QUANG TUYEN	RC6	33	1	6	1	20	69	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI QUOC VIET	RC6						75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN DUC NHAN	RC6	30	1	12	1	11	79	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN LA	RC6	34-35	2	9			61	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN ANH TUAN	RC6	32	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VIET HA	RC6	29	1	10			76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP02	4	337	3	16	2	18	1		
2	RP3	12	860	12	69	2	35	0		
3	RC6	6	435	6	47	2	31	21		
TOTAL		22	1.632	21	132	6	84	22		
WEIGHT KG			1.632		132		84			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN MAI PHI

CREW

TRAN HONG NAM

NGUYEN DUC HANH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: TD2 - TD1 - RP3	CREW: HÙNG - NPHÚ - QTRƯỜNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/1309	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VŨ MẠNH HOÀNG	TD2	19	1	4	2	30	87	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC HẠNH	TD2	15	1	5			108	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG NGUYỄN PHƯƠNG VŨ	TD2	17	1	7			82	DSNO	Vietnamese
4	ĐÀO THỊ MINH NGÀ	TD2	16	1	6			66	YTE	Vietnamese
5	PHẠM ĐÌNH VĂN	TD2	18	1	5			83	PSV	Vietnamese
6	KEMPF K.F.	TD1	69	1	3			78	D-HANH	Russian
7	BUI TIEN HUNG	TD1	68	1	3			78	D-HANH	Vietnamese
8	BUI ANH SON	TD1	72	1	3			62	D-HANH	Vietnamese
9	FOK.SI	TD1	70	1	8			127	D-HANH	Russian
10	LAZAREV A.V.	TD1	71	1	5			85	D-HANH	Russian
11	NGUYỄN VĂN PHONG	TD1	67	1	3			71	D-HANH	Vietnamese
12	ĐOÀN MẠNH QUANG	RP3	36	1	4			82	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ QUANG HUNG	RP3	34	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN NAM TRUNG	RP3	94	1	3			56	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH TŨ	RP3	95-96	2	14			68	XAYLAP	Vietnamese
16	NINH VĂN SƠN	RP3	32-33	2	18			70	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM ĐĂNG HUÂN	RP3	99	1	8	1	18	79	XAYLAP	Vietnamese
18	PHẠM MINH TOÀN	RP3	97-98	2	16			57	YTE	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC CHÂN	RP3	35	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TUNG	RP3	37	1	5			57	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ QUỐC THÔNG	RP3	38	1	9			81	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	5	426	5	27	2	30	0		
2	TD1	6	501	6	25	0	0	0		
3	RP3	10	701	13	89	1	18	22		
TOTAL		21	1.628	24	141	3	48	22		
WEIGHT KG			1.628		141		48			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: TRANG-1	TO: PVD8 - BK16	CREW: LHM - THONG - DUNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/1312	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN VIET HUNG	PVD8	11	1	4			95	D-HANH	Vietnamese
2	IVANOV V.Y.	PVD8	07-08	2	5			81	D-HANH	Russian
3	PHAM MINH DUONG	PVD8	10	1	5			90	D-HANH	Vietnamese
4	KRAMARENKO V.V	PVD8	09	1	3			68	D-HANH	Russian
5	LE DANG MINH DUC	PVD8	12	1	4			92	D-HANH	Vietnamese
6	TATARINOV S.M.	PVD8	06	1	5			85	ANTOAN	Russian
7	BUI HONG SANG	BK16	88	1	20			96	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAM HONG VU	BK16	16-17	2	16	1	13	50	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN VAN HUY	BK16	19	1	11	2	20	78	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN VAN KHANH	BK16	12-13	2	20			55	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAM QUANG CHUNG	BK16	02	1	10	1	12	53	XAYLAP	Vietnamese
12	LE SON	BK16	06-07	2	18			69	XAYLAP	Vietnamese
13	TRAN MINH TU	BK16	04	1	10	1	13	65	XAYLAP	Vietnamese
14	VU TIEN DU	BK16	14-15	2	14			67	XAYLAP	Vietnamese
15	LE DANG DAO	BK16	08-09	2	14			71	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG VAN THANH	BK16	10	1	10	1	14	69	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN VAN ANH	BK16	25,87	2	15			62	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAN THANH SON	BK16	22-23	2	20			58	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAM VAN VINH	BK16	24	1	20			72	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN VAN TRUYEN	BK16	20-21	2	18			57	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	6	511	7	26	0	0	2		
2	BK16	14	922	22	216	6	72	11		
TOTAL		20	1.433	29	242	6	72	13		
WEIGHT KG			1.433		242		72			

GRAND TOAL: 1.747 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

DO THI HAI YEN

CREW

LUU THANH HAI
NGUYEN THUC DONG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: XANH - 2	TO:RP1 - RC8	CREW: NAM - HTRUNG - TOAN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/1307	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRAN VAN TUNG	RP1	84	1	5	2	35	63	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN TUAN ANH	RP1	88	1	2			75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN CHI CONG	RP1	98	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DUY NGOC	RP1	85-86	2	16			73	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN BA DUY	RP1	99	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
6	LE TRI KHANH	RP1	92	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG VŨ NHẬT VINH	RP1	87	1	13			66	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM BA HOANG	RP1	80-82	3	18			73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO KIM NGHIỆP	RP1	75-76	2	20			83	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYEN CONG THANH	RP1	79	1	8	1	20	71	CODIEN	Vietnamese
11	BUI QUANG HOAN	RP1	89-90	2	9			99	YTE	Vietnamese
12	NGUYEN VAN BAO TRUNG	RP1	500	1	2			65	KH-THAC	Vietnamese
13	VU THANH TUNG	RP1	83	1	8			58	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN THANH	RP1	96-97	2	9			76	KH-THAC	Vietnamese
15	HUYNH MINH TRI	RP1	93	1	4			50	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN XUAN THANH	RP1	94	1	9			68	KH-THAC	Vietnamese
17	TANG THANH DAN	RP1	91	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
18	VU DINH ĐAI	RP1	95	1	11			63	KH-THAC	Vietnamese
19	VU THANG	RP1	477	1	13			95	KH-THAC	Vietnamese
20	HUYNH MINH SANG	RC8	77	1	2	1	20	83	KH-THAC	Vietnamese
21	CHU TIEN BINH	RC8	75-76	2	9			63	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN TAT TAM	RC8	78	1	5			52	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	19	1.349	25	169	3	55	19		
2	RC8	3	198	4	16	1	20	3		
TOTAL		22	1.547	29	185	4	75	22		
WEIGHT KG			1.547		185		75			

GRAND TOAL: 1.807 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI KIEU THU

CREW

TRAN HONG NAM

NGUYEN DUC HANH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO:RCDM - RC5	CREW: HÙNG - NPHÚ - QTRƯỜNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/1310	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ CHÍ BAO	RCDM	24-25	2	14	2	35	73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRUNG TIN	RCDM	27	1	11			88	KH-THAC	Vietnamese
3	TU TUẤN TU	RCDM	77	1	7			92	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ QUANG HÙNG	RCDM	76	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN KIM THẠCH	RCDM	28-29	2	8			68	KH-THAC	Vietnamese
6	HỒ TRỌNG BẢNG	RCDM	26	1	7			75	PSV	Vietnamese
7	CAO THANH HỢP	RC5				2	35	68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HÂN	RC5	56	1	8			86	KH-THAC	Vietnamese
9	TRƯỜNG MẠNH PHI	RC5	42-43	2	12			76	KH-THAC	Vietnamese
10	LƯƠNG TUẤN ANH	RC5	53-54	2	8			73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC HUY	RC5	51	1	19			83	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN VĂN HẠNH	RC5	50	1	10			80	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VŨ HOÀNG	RC5	41	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ NGỌC THAI SƠN	RC5	52	1	14	2	36	76	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC DŨNG	RC5	46	1	9			81	CODIEN	Vietnamese
16	ĐÀO ĐỨC THIỆN	RC5	44	1	10	1	14	72	CODIEN	Vietnamese
17	VŨ QUỐC VƯƠNG	RC5	39-40	2	15	2	31	75	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ ANH CƯỜNG	RC5	48-49	2	22			75	XAYLAP	Vietnamese
19	PHẠM TÙNG DƯƠNG	RC5	47	1	6			75	XAYLAP	Vietnamese
20	KIỀU MINH QUYẾT	RC5	55	1	5			62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RCDM	6	476	8	52	2	35	7		
2	RC5	14	1.057	17	144	7	116	13		
TOTAL		20	1.533	25	196	9	151	20		
WEIGHT KG			1.533		196		151			

GRAND TOAL: 1.880 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 24/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: VANG-3	TO:RP1 - RC4 - RC6	CREW: Linh - N.ANH - HIẾU	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/1308	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP1	66	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN LỢI	RP1	65	1	12			63	KH-THAC	Vietnamese
3	HA TAN DUNG	RP1	62	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC TU	RP1	60	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
5	VÔ VĂN ĐÔNG	RP1	59	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT DUNG	RP1	70-71	2	15			61	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN LÊ MINH QUANG	RP1	67	1	14			70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TUẤN TỬ	RP1	68-69	2	11			86	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG TÂN	RP1	61	1	4			58	PSV	Vietnamese
10	HA QUỐC VINH	RP1	63	1	4			68	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN HUÂN	RP1	64	1	4			72	PSV	Vietnamese
12	PHẠM TRẦN THANH PHÚC	RP1	72	1	4			87	PSV	Vietnamese
13	TRẦN MINH THI	RC4	28	1	9	3	45	113	KH-THAC	Vietnamese
14	VÔ THANH TỬ	RC4	18	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH SƠN	RC4	22	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
16	VÔ HUY HOANG	RC4	27	1	6			83	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ VĂN LỘC	RC4	25-26	2	19	2	21	57	T-TIN	Vietnamese
18	NGUYỄN CAO TRI	RC4	23-24	2	16			88	T-TIN	Vietnamese
19	PHẠM VĂN HUNG	RC4	20-21	2	7			75	T-TIN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HUYNH	RC4	19	1	7			73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	12	851	14	92	0	0	10		
2	RC4	8	637	11	75	5	66	5		
3	RC6	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		20	1.488	25	167	5	66	19		
WEIGHT KG			1.488		167		66			

GRAND TOAL: 1.721 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH

NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: RP3 - CTK3 - RC3	CREW: HÙNG - N.CUONG - NNAM	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM26/1311	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐẶNG TRUNG HIỆU	RP3	779-780	2	10			75	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN TIẾN	RP3	81	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VIỆT HÙNG	RP3	776	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÌNH QUANG THÀNH	RP3	93	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
5	MÀ ANH TIT	RP3	78	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU HOANG VINH	RP3	77	1	5			57	KH-THAC	Vietnamese
7	CAO ĐỨC THANH	RP3	80	1	3			78	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM QUỐC CHẾ	RP3	976	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU MAU	RP3	42	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN QUÝ HAI	RP3	47	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG TRỌNG THỨC	RP3	777-778	2	9			73	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN ĐO CHÂU TUẤN	RP3	46	1	17			104	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG ĐÌNH CHIẾN	RP3	45	1	5			65	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	RP3	43	1	4			79	PSV	Vietnamese
15	BUI VĂN LONG	RP3	44	1	3			72	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN HIỆU	RP3	48	1	5			56	PSV	Vietnamese
17	ĐO NGỌC QUI	RP3	79	1	5			54	PSV	Vietnamese
18	ĐO VĂN THÀNH	CTK3	17	1	8	6	135	87	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN MINH TIẾN	CTK3	18	1	8			70	CODIEN	Vietnamese
20	ĐÌNH VĂN THIỆN	CTK3	16	1	9			62	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	17	1.178	19	103	0	0	8		
2	CTK3	3	219	3	25	6	135	1	2	CHUYEN 2 CTK3-RC3
3	RC3	0	0	0	0	1	6	5		
TOTAL		20	1.397	22	128	7	141	14		
WEIGHT KG			1.397		128		141			

GRAND TOAL: 1.666 KGS

VSP REP.

Signature
NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

Signature
BUI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

Signature
LÊ QUÝ HÙNG
PHAN NHƯ CUONG